

Bản án số: 123/2023/DS-ST

Ngày: 31/7/2023

V/v: “*Tranh chấp đòi tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Trần Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 38/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp đòi tiền*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-DS ngày 16/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2023/QĐHPT-DS ngày 30/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐHPT-DS ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tưởng Trung Tr, sinh năm 1984 và bà Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1985. Địa chỉ: XX Đoàn Thị Điểm, phường H II, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1971. Địa chỉ: XX Tú Mỡ, tổ XX, phường A, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2023, bản tự khai đề ngày 22/6/2022 của nguyên đơn ông Tưởng Trung Tr và bà Trương Thị Mỹ H trình bày:**

Vợ chồng ông Tr bà H có thửa đất số 118, tờ bản đồ số 53, diện tích 153m², loại đất trồng cây hàng năm khác, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 899474. Thông qua mối quan hệ quen biết, năm 2020 vợ chồng ông Tr bà H có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở nên được người quen giới thiệu gặp ông Nguyễn Kim T để nhờ ông T thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất nói trên sang đất ở đô thị với thù lao thực hiện công việc là 80.000.000 đồng. Phần nghĩa vụ tài chính nộp thuế đất ở do phía ông Tr bà H chi

trả riêng. Qua gặp gỡ trao đổi, ông T bà H đã đưa cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 50% số tiền thù lao đã thỏa thuận là 40.000.000 đồng. Số tiền còn lại sẽ thanh toán khi có đầy đủ giấy tờ để thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất. Ông T cam kết thông báo tiến độ thực hiện công việc và nếu có trở ngại sẽ hoàn trả lại giấy tờ và toàn bộ tiền đã nhận. Từ đó đến ngày 15/6/2022 ông Tr bà H đã liên hệ nhiều lần nhưng ông T cố tình trốn tránh, không có phản hồi. Ông Tr và bà H đã liên hệ để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu ông T trả lại số tiền 40.000.000 đồng nhưng ông T chỉ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không trả lại tiền cho ông Tr bà H.

Nay ông Tr bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Kim T phải trả cho ông Tr bà H số tiền đã nhận là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn Nguyễn Kim T** mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến nơi cư trú của ông T nhưng quá trình giải quyết vụ án ông T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H và Tường Trung Tr.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Với chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, cũng như bản tự khai của nguyên đơn, trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa: thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H và Tường Trung Tr và buộc bị đơn ông Nguyễn Kim T phải có trách nhiệm trả tiền đã nhận cho bà H và ông Tr số tiền 40.000.000đ. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp “Đòi tiền” của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H, ông Tường Trung Tr đối với bị đơn ông Nguyễn Kim T. Buộc ông Nguyễn Kim T phải trả cho bà Trương Thị Mỹ H, ông Tường Trung Tr số tiền đã nhận là 40.000.000 đồng một lần, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H và ông Tường Trung Tr khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Kim T

để yêu cầu ông T trả số tiền đã nhận để thực hiện công việc chuyển mục đích sử dụng đất theo giấy nhận sổ đỏ và nhận tiền (BL14). Đây là quan hệ dân sự theo quy định tại điều 116, Điều 513 Bộ luật dân sự. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 513 Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp đòi tiền”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo quy định.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng đến nơi cư trú của bị đơn tại địa chỉ 04 Tú Mỡ, phường A, quận C và đã xác minh xác định được bị đơn hiện đang cư trú tại địa chỉ này. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà ông T đều không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; thể hiện bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 40.000.000 đồng:

Năm 2020 vợ chồng ông Tr bà H có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây thành đất ở nên được người quen giới thiệu gặp ông Nguyễn Kim T để nhờ ông T thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất trồng cây hàng năm khác của ông Tr bà H tại tổ 67, phường A, quận C sang đất ở đô thị với thù lao thực hiện công việc là 80.000.000 đồng. Ông Tr bà đã đưa cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 50% số tiền thù lao đã thỏa thuận là 40.000.000 đồng theo giấy nhận sổ đỏ do ông T viết và ký tên. Tuy nhiên, sau khi nhận sổ đỏ và nhận tiền, ông T không thể thực hiện được công việc chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở giúp cho ông Tr bà H. Sau nhiều lần liên hệ đôn đốc nhưng ông T không thực hiện được công việc đã giao kết, ông Tr và bà H đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu ông T trả lại số tiền 40.000.000 đồng nhưng ông T chỉ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không trả lại tiền cho ông Tr bà H. Nay ông Tr bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Kim T phải trả cho ông Tr bà H số tiền đã nhận là 40.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, theo nội dung giấy nhận sổ đỏ do ông Nguyễn Kim T viết thể hiện ông T đã nhận của ông Trương Trung Tr và bà Trương Thị Mỹ H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 899474 và nhận số tiền 40.000.000 đồng để nhằm thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất. Đồng thời ông T cam kết nếu có gì trở ngại thì ông xin hoàn trả lại tất cả giấy tờ và số tiền đã nhận. Qua thời gian, ông T không thể thực hiện được công việc làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất cho ông Tr và bà H. Ông Tr bà có yêu cầu nhiều lần thì ông T có trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chưa trả lại số tiền 40.000.000 đồng

như đã cam kết. Hiện nay, ông Trục bà H đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và chưa làm được thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất. Do đó, có cơ sở để xác định ông T đã không thực hiện đúng công việc thỏa thuận làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho ông Tr bà H. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả khoản tiền 40.000.000 đồng ông T đã nhận là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận C đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các đương sự phải chịu án phí theo quy định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 40.000.000 đồng nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 116, 281, 513 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tưởng Trung Tr và bà Trương Thị Mỹ H đối với ông Nguyễn Kim T về việc “*Tranh chấp đòi tiền*”.

Buộc ông Nguyễn Kim T phải có nghĩa vụ trả cho ông Tưởng Trung Tr và bà Trương Thị Mỹ H một lần số tiền **40.000.000 đồng** (*bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Tưởng Trung Tr và bà Trương Thị Mỹ H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền ông Nguyễn Kim T phải trả, nếu ông Nguyễn Kim T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Kim T phải chịu số tiền án phí: 2.000.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Tưởng Trung Tr và bà Trương Thị Mỹ H số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009368 ngày 07/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C, TP Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 31/7/2023.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

